

## BIỂU MẪU SỐ 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019)

**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### TỔNG HỢP TÌNH HÌNH YÊU CẦU BỒI THƯỜNG, GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG VÀ CHI TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG

(Số liệu tính từ ...../...../..... đến ...../...../.....)

STT	Thụ lý vụ việc (vụ việc)										Tình hình giải quyết vụ việc							Chi trả tiền bồi thường							
	Tổng số vụ việc	Số vụ việc thụ lý mới				Số vụ việc kỳ trước chuyển sang			Đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật				Đang giải quyết (vụ việc)			Đình chỉ (vụ việc)									
		Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Thụ lý tại Tòa án			Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Thụ lý tại Tòa án		Tổng số vụ việc (vụ việc)	Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (vụ việc)	Tại Tòa án (vụ việc)		Số tiền bồi thường (nghìn đồng)	Tổng số	Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Đang giải quyết tại Tòa án		Tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Tại Tòa án theo thủ tục tố tụng	Số vụ việc đã chi trả (vụ việc)	Số tiền đã chi trả theo quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ (nghìn đồng)	Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án (nghìn đồng)			
			Khởi kiện vụ án dân sự	Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính	Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		Khởi kiện vụ án dân sự	Yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính			Theo điểm a khoản 1 Điều 52	Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52				Theo điểm a khoản 1 Điều 52	Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52						Trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính	Theo điểm a khoản 1 Điều 52	Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
<b>I</b>	<b>TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>																								

<b>II</b>	<b>TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b>																								
<b>III</b>	<b>TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG DÂN SỰ</b>																								
<b>IV</b>	<b>TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH</b>																								
<b>V</b>	<b>TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ</b>																								
<b>VI</b>	<b>TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</b>																								

Ngày..... tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng cơ quan**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,)

**Nguồn lấy số liệu:**

- Đối với báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019;
- Đối với báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019;
- Đối với báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019;
- Đối với báo cáo của các Bộ: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019;

## **Hướng dẫn thống kê số liệu về tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và chi trả tiền bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2017**

### **1. Thụ lý vụ việc**

**Cột số 2:** Tổng số vụ việc đã được các cơ quan giải quyết bồi thường thống kê, bao gồm số vụ việc thụ lý mới và số vụ việc thụ lý từ kỳ trước chuyển sang (đang trong quá trình giải quyết).

Cột số 2 = Cột số 3+4+5+6+7+8+9+10

#### **1.1. Số vụ việc thụ lý mới**

**Cột số 3:** Thụ lý tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại giải quyết bồi thường theo quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.

**Cột số 4,5,6:** Thụ lý tại Tòa án giải quyết vụ án dân sự về bồi thường nhà nước, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường, cụ thể:

**Cột số 4:** Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Luật TNBTCNN năm 2017: Sau khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường mà chưa yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại giải quyết bồi thường.

**Cột số 5:** Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN năm 2017: Người yêu cầu bồi thường rút yêu cầu bồi thường trước thời điểm cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tiến hành xác minh thiệt hại và tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường (điểm b khoản 1 Điều 52) và trường hợp người yêu cầu bồi thường đã yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại giải quyết bồi thường nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết bồi thường mà không đồng ý với quyết định đó hoặc kể từ ngày có biên bản kết quả thương lượng thành mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại không ra quyết định giải quyết bồi thường hoặc kể từ ngày có biên bản kết quả thương lượng không thành (khoản 2 Điều 52).

**Cột số 6:** Theo quy định tại Điều 55 Luật TNBTCNN năm 2017: Tòa án giải quyết vụ án hình sự, Tòa án giải quyết vụ án hành chính có nội dung yêu cầu bồi thường, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường kết hợp yêu cầu bồi thường trong quá trình khởi kiện vụ án hình sự, vụ án hành chính.

#### **1.2. Số vụ việc từ kỳ trước chuyển sang**

**Cột số 7,8,9,10:** Những vụ việc đã được thụ lý từ kỳ báo cáo trước mà chưa có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ hoặc tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng và những vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường nhưng chưa chi trả tiền bồi thường.

## **2. Tình hình giải quyết vụ việc**

### **2.1. Số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật**

**Cột số 11** = Cột số 12+13+14+15.

**Cột số 12:** Số vụ việc thụ lý tại cột số 3, 7 đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

**Cột số 13 và 14:** Số vụ việc thụ lý tại cột số 4,5,8, 9 đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

**Cột số 15:** Số vụ việc thụ lý tại cột số 6,10 đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

### **2.2. Số tiền bồi thường**

**Cột số 16:** Thông kê số tiền bồi thường theo văn bản giải quyết bồi thường (quyết định có hiệu lực của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc quyết định, bản án có hiệu lực của Tòa án).

### **2.3. Số vụ việc đang giải quyết bồi thường**

**Cột số 17** = Cột số 18+19+20+21.

**Cột số 18:** Số vụ việc thụ lý tại cột số 3,7 đang giải quyết bồi thường (bao gồm cả những vụ việc cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoãn, tạm đình chỉ giải quyết).

**Cột số 19 và 20:** Số vụ việc thụ lý tại cột số 4,5, 8, 9 đang giải quyết bồi thường.

**Cột số 21:** Số vụ việc thụ lý tại cột số 6, 10 đang giải quyết bồi thường.

## **3. Số vụ việc đình chỉ giải quyết bồi thường**

**Cột số 22:** Số vụ việc đã bị đình chỉ tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

**Cột số 23:** Số vụ việc đã bị đình chỉ theo thủ tục tố tụng tại Tòa án.

## **4. Chi trả tiền bồi thường**

**Cột số 24:** Số vụ việc đã được chi trả cho người bị thiệt hại theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ hoặc bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án.

**Cột số 25:** Số tiền đã chi trả theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

**Cột số 26:** Số tiền đã chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án.